TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2026
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Đầy

Ông Nguyễn Duy Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kiều D, sinh năm 1980 (xin vắng).

Căn cước công dân số: 096180009429 cấp ngày 14/8/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1973 (xin vắng).

Căn cước công dân số: 096073000263, cấp ngày 10/04/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Kiều D trình bày:***

- Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu nên bà Nguyễn Kiều D và ông Lê Văn T thành hôn với nhau vào năm 1996. Đến năm 2009 bà D và ông T tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau).

Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, sống với nhau không đạt hạnh phúc, gia đình có hàn gắn hôn nhân nhưng không thành.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Lê Thành T1, sinh năm 1997 (nam), Lê Trung N, sinh năm 2001 (nam) và Lê Ngọc Q, sinh ngày 06 tháng 08 năm 2014 (nam). Đối với Thành T1 và Trung N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Ngọc Q đang sống cùng bà D nên khi ly hôn bà D yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Ngọc Q.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:***

- Về hôn nhân: Ông Lê Văn T xác định lời trình bày của bà D về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng là đúng toàn bộ.

Quá trình chung sống vợ chồng ông thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông T đồng ý ly hôn với bà D.

- Về con chung: Có 03 người con chung đúng như bà D trình bày. Hiện Thành T1 và Trung N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Ngọc Q đang sống cùng bà D nên ông T đồng ý giao cháu Ngọc Q cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Kiều D yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp xin ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông T cư trú tại Ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cà Mau.

Bà Nguyễn Kiều D và ông Lê Văn T có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà D, ông T là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kiều D và ông Lê Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 1996, độ tuổi kết hôn của bà D tại thời điểm thành hôn chưa phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Tuy nhiên, đến ngày 20 tháng 4 năm 2009 bà D và ông T tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36 (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà D và ông T đã bất hòa nhau trong cuộc sống, vợ chồng không hàn gắn được hôn nhân, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà D xin ly hôn thì ông T đồng ý. Do bà D và ông T xin vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử nên Hội đồng xét xử không ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự mà chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Kiều D với ông Lê Văn T theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà D và ông T xác định có 03 người con chung tên Lê Thành T1, sinh năm 1997 (nam), Lê Trung N, sinh năm 2001 (nam) và Lê Ngọc Q, sinh ngày 06 tháng 08 năm 2014 (nam).

Đối với Thành T1 và Trung N đã trưởng thành, bà D và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng. Đối với cháu Ngọc Q trong khoảng thời gian bà D và ông T không chung sống với nhau thì cháu Ngọc Q do bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời cháu Ngọc Q có nguyện vọng được sống chung với bà D nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu Ngọc Q cho bà D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Kiều D phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà D được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Kiều D. Cho bà Nguyễn Kiều D được ly hôn ông Lê Văn T.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Lê Thành T1, sinh năm 1997 (nam), Lê Trung N, sinh năm 2001 (nam) và Lê Ngọc Q, sinh ngày 06 tháng 08 năm 2014 (nam).

Đối với con chung tên Lê Thành T1 và Lê Trung N đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 06 tháng 08 năm 2014 (nam) cho bà Nguyễn Kiều D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Kiều D phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Kiều D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001699 ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ, án phí hôn nhân bà Nguyễn Kiều D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 5 – Cà Mau;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Cà Mau;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Phan Ngọc Hiển;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

Trương Thị Hồng Ngân